

## Chương trình Bảo hiểm Sức khỏe PPO Thông thường

### Bảng Thông tin Quyền lợi Bảo hiểm PPO PHCS

Bảng thông tin dưới đây tóm tắt những quyền lợi chủ yếu trong chương trình bảo hiểm sức khỏe của quý vị. Hợp đồng bảo hiểm của quý vị (Member Agreement) cung cấp đầy đủ tất cả các quyền lợi và điều khoản trong chương trình bảo hiểm sức khỏe.

- **Lưu ý:** Nếu quý vị khám chữa bệnh tại Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngoài chương trình bảo hiểm (Out-of-Plan Provider), quý vị có trách nhiệm chi trả các Khoản chi phí chênh lệch (Remaining Balances). Chi phí chênh lệch là phần chi phí phải trả cho Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngoài chương trình chênh lệch cao hơn so với Mức phí cho phép tối đa (Maximum Allowable Fee) trong chương trình bảo hiểm của Health New England.

- Lưu ý về Phê duyệt trước (Prior Approval):

Một vài dịch vụ bảo hiểm có thể yêu cầu Sự phê duyệt trước. Những dịch vụ này được đánh dấu † trong bảng thông tin. Trong một số trường hợp, nếu quý vị không nhận được sự phê duyệt trước, dịch vụ bảo hiểm sẽ không được chi trả. ( Ví dụ, xem mục Điều trị vô sinh bên dưới.) Trong một số trường hợp khác như là Chăm sóc sức khỏe cấp tính tại một Cơ sở ngoài chương trình bảo hiểm, nếu quý vị không nhận được sự phê duyệt trước, Quyền lợi bảo hiểm của quý vị có thể bị giảm trừ theo tỷ lệ nêu bên dưới. Hãy nhớ rằng các khoản loại trừ hay giới hạn trong chương trình bảo hiểm sức khỏe này vẫn được áp dụng cho dù quý vị có yêu cầu sự phê duyệt trước. Ví dụ như những dịch vụ không phải là cần thiết về mặt y tế sẽ thì không được bảo hiểm chi trả cho dù quý vị có yêu cầu sự phê duyệt trước.

	<b>Các Nhà cung cấp dịch vụ trong chương trình</b> <b>Các Nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Các Nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
Mức khấu trừ (Deductible) mỗi Năm* (Quý vị phải chi trả khoản này đối với những dịch vụ được bảo hiểm trước khi HNE bắt đầu chi trả quyền lợi bảo hiểm. Khoản tiền này là tổng cộng cho các nhà cung cấp dịch vụ HNE, PHCS và các Nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình. Như có nêu trong bảng bên dưới, một số dịch vụ không phụ thuộc vào mức khấu trừ.)	\$500 mỗi cá nhân / \$1,000 mỗi gia đình	\$500 mỗi cá nhân / \$1,000 mỗi gia đình
Chi phí tự chi trả tối đa trong chương trình bảo hiểm* (Đây là chi phí tối đa mà quý vị phải trả để cùng chia sẻ chi phí đối với những dịch vụ y tế cần thiết mỗi năm trước khi chương trình bảo hiểm của quý vị bắt đầu chi trả 100% khoản tiền quy định. Khoản tiền này là tổng cộng cho các nhà cung cấp dịch vụ HNE và PHCS. Hầu hết các chi phí trong chương trình bảo hiểm của quý vị, bao gồm cả chi phí quý vị trả cho thuốc kê đơn, được tính vào chi phí tự chi trả tối đa.)	\$2,500 mỗi cá nhân / \$5,000 mỗi gia đình	Không áp dụng
Chi phí tự chi trả tối đa ngoài chương trình bảo hiểm* (Đây là chi phí tối đa mà quý vị sẽ tự chi trả trong một năm cho tổng chi phí bao gồm mức khấu trừ và đồng bảo hiểm cho những dịch vụ được bảo hiểm từ các cơ sở y tế ngoài chương trình.)	Không áp dụng	\$3,500 mỗi cá nhân / \$7,000 mỗi gia đình
*Khoản này được áp dụng tính theo năm lịch, từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.		
Sự giảm trừ quyền lợi bảo hiểm (Reduction of Benefit) (Áp dụng cho một số dịch vụ nhất định nếu cần sự phê duyệt trước nhưng không được yêu cầu.)	\$500 (Không áp dụng cho những cơ sở y tế HNE)	\$500

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị</b> <b>Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình</b> <b>Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị</b> <b>Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
<b>Điều trị nội trú</b>		

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
Chăm sóc sức khỏe cấp tính ở bệnh viện (Điều trị nội trú ở các nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình cần có sự phê duyệt trước.)	\$500 sau mức khấu trừ; và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi đối với các cơ sở trong hệ thống PHCS	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Dịch vụ điều dưỡng† (giới hạn 100 ngày mỗi Năm lịch; điều trị nội trú ở các nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình cần có sự phê duyệt trước.)	\$500 sau mức khấu trừ; và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi đối với các cơ sở trong hệ thống PHCS	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Phục hồi chức năng nội trú† (giới hạn 60 ngày mỗi Năm lịch; điều trị nội trú ở các nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình cần có sự phê duyệt trước.)	\$500 sau mức khấu trừ; và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi đối với các cơ sở trong hệ thống PHCS	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
<b>Điều trị Phòng ngừa Ngoại trú</b>		
Kiểm tra sức khỏe định kỳ đối với người trưởng thành	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chăm sóc sức khỏe trẻ em	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chủng ngừa định kỳ đối với người lớn và trẻ em	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chăm sóc sức khỏe định kỳ trước và sau sinh	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Kiểm tra mắt định kỳ (giới hạn một lần một năm lịch)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Kiểm tra phụ khoa hàng năm (giới hạn một lần một năm lịch)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chụp nhũ ảnh định kỳ (giới hạn một lần một năm lịch)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Nội soi đại trực tràng (giới hạn một lần mỗi năm năm lịch)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Kiểm tra sức khỏe phòng ngừa được nêu dưới mục "Chăm sóc sức khỏe phòng ngừa ngoại trú" trong Phần <i>Quyền lợi được bảo hiểm</i> trong Bảng chứng bảo hiểm (EOC)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Tư vấn dinh dưỡng (giới hạn bốn lần một năm lịch)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
<b>Các điều trị ngoại trú khác</b>		
Khám bệnh tại phòng mạch (Mức khấu trừ có thể được áp dụng đối với một vài dịch vụ tại phòng mạch trong chương trình.)	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Tham khảo ý kiến thứ hai (Mức khấu trừ có thể được áp dụng đối với một vài dịch vụ tại phòng mạch trong chương trình.)	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Tư vấn qua điện thoại và video với bác sĩ nội khoa, bác sĩ gia đình và bác sĩ nhi đối với những tình huống y tế không khẩn cấp qua Teladoc	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần tư vấn	Không được bảo hiểm
Kiểm tra thính lực ở các cơ sở chuyên khoa (khác với kiểm tra định kỳ được chi trả trong khoản kiểm tra định kỳ hàng năm)	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
<b>Các mục liên quan đến bệnh Đái tháo đường:</b>		
• Những dịch vụ ngoại trú (Mức khấu trừ có thể được áp dụng đối với một số dịch vụ trong chương trình)	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
• Dịch vụ phòng thí nghiệm	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
• Thiết bị y tế lâu bền (DME) (Một vài thiết bị y tế lâu bền yêu cầu sự phê duyệt trước)	20% Đồng bảo hiểm; đối với các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ và lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
• Giáo dục cá nhân về bệnh Đái tháo đường	\$20 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
• Giáo dục nhóm về bệnh Đái tháo đường	\$20 Đồng chi trả cho mỗi buổi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chăm sóc sức khỏe trong phòng cấp cứu (Đồng chi trả được miễn nếu được cho nhập viện)	\$150 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám	\$150 Đồng chi trả cho mỗi lần thăm khám
Kiểm tra chẩn đoán	\$0 sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Kiểm tra giấc ngủ† (tối đa hai lần một năm lịch)	\$150 sau khấu trừ (Một lần đồng chi trả một năm; Không yêu cầu Đồng chi trả cho kiểm tra giấc ngủ tại nhà); và đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ (nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí)
Dịch vụ phòng thí nghiệm	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Các dịch vụ chiếu xạ: Siêu âm, X-quang, chụp nhũ ảnh không định kỳ	\$0 sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Hình ảnh chẩn đoán: chụp CT, MRI, MRA, PET, hình ảnh cơ tim mạch†	\$150 Đồng chi trả sau khấu trừ, tối đa 3 lần Đồng chi trả/năm; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
Dịch vụ phục hồi chức năng ngắn hạn ngoại trú (Giới hạn hai tháng hoặc là 25 lần thăm khám, áp dụng mức nào cao hơn, cho một trường hợp điều trị mỗi năm lịch cho vật lý trị liệu hay điều trị liên quan đến nghề nghiệp. Giới hạn không áp dụng đối với các dịch vụ điều trị rối loạn tự kỷ.)	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám cho mỗi hình thức điều trị sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chương trình phục hồi chức năng theo ngày (giới hạn đến 15 lần thăm khám nguyên cả ngày hoặc ½ ngày cho mỗi trường hợp trong đời)	\$25 Đồng chi trả sau khấu trừ trong 1 hoặc ½ ngày	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Dịch vụ can thiệp sớm (chi trả cho trẻ nhỏ từ khi sinh đến 3 tuổi.)	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Phân tích hành vi ứng dụng (ABA) để điều trị Chứng rối loạn tự kỷ†	\$0 (đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí)	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ (nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí)

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
Dịch vụ và quy trình phẫu thuật ngoại trú (Một số dịch vụ yêu cầu sự phê duyệt trước. Đồng chi trả trong chương trình bảo hiểm dựa theo loại dịch vụ, không theo địa điểm thực hiện dịch vụ. Để biết được Đồng chi trả này có được áp dụng cho một quy trình cụ thể nào, vui lòng liên hệ Dịch vụ Người tham gia bảo hiểm Health New England.)	\$250 sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Kiểm tra và điều trị dị ứng	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Tiêm chủng chống dị ứng	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
<b>Dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình</b>		
Thăm khám tại phòng khám (Mức khấu trừ thường có thể được áp dụng đối với một số dịch vụ phòng khám trong chương trình)	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
<b>Dịch vụ Điều trị vô sinh</b>		
Một số dịch vụ điều trị vô sinh chỉ được bảo hiểm cho cá nhân cư trú ở Massachusetts và Connecticut. Một số dịch vụ yêu cầu sự phê duyệt trước.		
Thăm khám tại phòng mạch (Khấu trừ thường có thể được áp dụng đối với một số dịch vụ phòng khám trong chương trình)	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
Quy trình/Phẫu thuật ngoại trú†	\$250 sau khấu trừ; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
Kiểm tra ở phòng thí nghiệm	\$0; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
Chăm sóc sức khỏe nội trú†	\$500 sau khấu trừ; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
<b>Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>		
Chăm sóc sức khỏe trước và sau sinh không định kỳ	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Sinh con/ Chăm sóc sức khỏe nằm viện cho Mẹ và Bé (Phần bảo hiểm cho trẻ nhỏ giới hạn tới mức chi phí dưỡng nhi định kỳ. Để được tiếp tục chi trả, trẻ nhỏ phải được đăng ký bảo hiểm trong vòng 30 ngày sau khi sinh.)	\$500 sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
<b>Dịch vụ nha khoa</b>		

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
Điều trị phẫu thuật đối với những trường hợp không liên quan đến nha khoa tại phòng khám bác sĩ (Mức khấu trừ có thể được áp dụng đối với một số dịch vụ phòng khám trong chương trình.)	\$20 Đồng chi trả sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chăm sóc nha khoa cấp cứu ở phòng khám bác sĩ hoặc nha sĩ	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Chăm sóc nha khoa cấp cứu ở phòng cấp cứu	\$150 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	\$150 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám
<b>Các dịch vụ khác</b>		
Chăm sóc sức khỏe tại nhà †	\$0 sau khấu trừ; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cuối đời †	\$0; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Thiết bị y tế lâu bền (một vài thiết bị yêu cầu sự phê duyệt trước)	20% Đồng bảo hiểm; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Chi giả†	20% Đồng bảo hiểm; đối với những nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS, nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ; nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí
Dịch vụ xe cấp cứu và vận chuyển (dịch vụ vận chuyển không cấp cứu yêu cầu sự phê duyệt trước; nếu không có sự phê duyệt trước cho dịch vụ vận chuyển không cấp cứu, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí)	\$100 Đồng chi trả mỗi ngày sau khấu trừ	\$100 Đồng chi trả một ngày sau khấu trừ
Lọc thận	\$0	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Hỗ trợ dinh dưỡng † (không được chi trả nếu không có sự phê duyệt trước)	\$0	\$0
Phục hồi chức năng tim	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám sau khấu trừ	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ
Tóc giả cho những trường hợp rụng tóc khi điều trị ung thư hoặc bệnh bạch cầu (HNE chi trả cho một bộ tóc giả một năm)	20% Đồng bảo hiểm	20% Đồng bảo hiểm
Rối loạn khả năng nghe nói và ngôn ngữ † (Sự phê duyệt trước được yêu cầu đối với dịch vụ trị liệu khả năng nói sau khi được kiểm tra đánh giá lần đầu tiên.)	\$20 Đồng chi trả một lần sau khấu trừ; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Máy trợ thính† (được chi trả cho người tham gia bảo hiểm từ 21 tuổi trở xuống. HNE chi trả chi phí cho một máy trợ thính cho một tai gặp vấn đề về thính lực mỗi 36 tháng, tối đa \$2,000 cho một máy trợ thính.)	\$0 đến \$2,000 một máy một tai; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ (Nếu không có sự phê duyệt trước, người tham gia bảo hiểm phải trả toàn bộ chi phí)

<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Trong chương trình Các nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống HNE và PHCS</b>	<b>Chi phí của quý vị Các nhà cung cấp dịch vụ Ngoài chương trình</b>
Cấy ghép nội tạng người và Cấy ghép tủy xương † (Nếu không có sự phê duyệt trước, những khoản chi trả cho nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình đối với các khoản Khấu trừ và Đồng bảo hiểm không được tính vào khoản Khấu trừ hay Đồng bảo hiểm tối đa.)	\$500 sau khấu trừ; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
<b>Sức khỏe Hành vi (Bao gồm Sức khỏe Tâm thần và Lạm dụng Chất gây nghiện)</b>		
Dịch vụ nội trú†	\$500 sau khấu trừ; đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống PHCS lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ & lên đến \$500 giảm trừ quyền lợi
Dịch vụ ngoại trú†	\$20 Đồng chi trả mỗi lần thăm khám	20% Đồng bảo hiểm sau khấu trừ

### Thuốc kê toa

(Một số loại thuốc nhất định phải được sự phê duyệt trước)

Quyền lợi thuốc kê toa của quý vị dựa theo Quy định của Health New England. Vui lòng gọi Dịch vụ Thành viên hay vào trang [healthnewengland.org](http://healthnewengland.org) để có được Quy định của Health New England.

<b>Quyền lợi</b>	<b>Chi phí của quý vị Những nhà cung cấp dịch vụ trong chương trình</b>	<b>Chi phí của quý vị Những nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình</b>
<b>Mua ở nhà thuốc trong chương trình (tối đa 30 ngày thuốc)</b>		
Thuốc thông dụng	\$10	\$10 đồng chi trả, sau đó 20%
Thuốc trong danh mục	\$25	\$25 đồng chi trả, sau đó 20%
Thuốc ngoài danh mục	\$45	\$45 đồng chi trả, sau đó 20%
<b>Đặt hàng qua bưu điện: (tối đa 90 ngày thuốc đối với những bệnh mãn tính)</b>		
Thuốc thông dụng	\$20	Không được bảo hiểm
Thuốc trong danh mục	\$50	Không được bảo hiểm
Thuốc ngoài danh mục	\$135	Không được bảo hiểm

### Quyền lợi về các dịch vụ nắn xương khớp

<b>Quyền lợi</b>	<b>Chi phí của quý vị Những nhà cung cấp dịch vụ trong chương trình</b>	<b>Chi phí của quý vị Những nhà cung cấp dịch vụ ngoài chương trình</b>
giới hạn 12 lần thăm khám một năm lịch	\$20	\$20, sau đó 20%

Bản dịch ngoại ngữ này chỉ nhằm mục đích giúp cho dễ hiểu. Văn bản gốc tiếng Anh mới có tính chất quyết định.